**Tiết 2:**

**Toán**

**Bài 15: GAM ( T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết được gam là đơn vị do khối lượng, đọc, viết tên và kí hiệu của nó. Cảm nhận được 1g, Biết 1kg = 1000g. Thực hiện được các phép tính với các số đo kèm theo đơn vị đo là gam và ki-lô-gam. Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế cuộc sống. Thực hành ước lượng, cân một số đồ vật với đơn vị đo gam, ki-lô-gam.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Tích hợp: Công dân số: 2.1.c. Biết cách truy cập máy tính hoặc điện thoại để chơi trò chơi thi tìm kiếm các loại cân điện tử cân đo đơn vị Gam và vận dụng làm bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS vân động theo nhạc.  - GV Nhận xét, khen ngợi.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia khởi động.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  **Bài 2: (35) (Làm cá nhân).**  **a) Số?**  ?  ?  1kg = g 1000g = kg  - GV nhận xét  b, Tính  356g + 400g 8g x 6  1000 g – 5000g 30 : 5  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3: (34)**  - Yêu cầu HS đọc bài  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở ô li  - Mời các nhóm thay nhau lên thực hành để có kết quả như đề bài.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4: (34)**  - Yêu cầu HS đọc bài  - Yêu cầu HS quan sát tranh  - Gv nhận xét, tuyên dương | - 1 HS Đọc đề bài.  - HS nêu câu trả lời:  1kg = 1000g  1000g = 1kg  - HS làm bài ra bảng con  356g + 400g = 756g  8g x 6 = 48g  1000g – 500g = 500g  30g : 5 = 6g  - HS nhận xét  - Chú ý.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở.  - HS đổi chéo vở kiểm tra nhau  - HS chia sẻ bài toán:  Bài giải  Quả đu đủ thứ hai cân nặng số ki-lô-gam là: 1000 – 100 = 900(g)  Đáp số: 900g  - HS nhận xét  - Chú ý.  - HS đọc thầm yêu cầu  - HS quan sát và làm bài theo nhóm đôi  - Đại diện HS chia sẻ  + Cà chua: 100g  + Con cá: 850g  + Xe đạp: 12kg  + Dâu tây: 5g  - HS nhận xét |
| **3. Vận dụng.**  - GV chuẩn bị cân và một số đồ vật để cho HS thực hành cân.    - Tích hợp: Công dân số: 2.1.c. Biết cách truy cập máy tính hoặc điện thoại để chơi trò chơi thi tìm kiếm các loại cân điện tử cân đo đơn vị Gam và vận dụng làm bài tập.  - GV Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia ước lượng và cân một số đồ dùng học tập của bản thân, sau đó ghi lại kết quả ra phiếu học tập.  - Học sinh truy cập trên mát tính theo hướng đãn của giáo viên.  - Chú ý lắng nghe. |

**Buổi chiều:**

**Tiết 1:**

**Toán**

**Bài 16: ÔN TẬP VỀ PHÉP CHIA, BẢNG CHIA 2, BẢNG CHIA 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Ôn tập về phép chia (bảng chia 2, 5). Làm quen với giải bài toán về phép chia.

- Phát triển các NL toán học, năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Phương pháp quan sát, hỏi đáp, trò chơi

- Kỹ thuật động não, chia sẻ cặp nhóm, kỹ thuật trình bày, đặt câu hỏi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Chơi trò chơi "Đố bạn" ôn lại nhân 2, 5.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **Bài 1. Nêu phép chia thích hợp ứng với mỗi tranh vẽ (Làm việc cá nhân)**  **-** GV cho HS quan sát tranh vẽ, sau đó nêu phép tính ứng với mỗi tranh a/b:  - GV mời HS khác nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: Quan sát tranh, nêu các phép tính thích hợp: (Làm việc cả lớp)**  - GV yêu cầu 1 HS nêu đề bài.  - HS quan sát tranh, nêu phép nhân thích hợp.  - Từ phép nhân đã nêu, hãy nêu hai phép chia tương ứng.  - GV gọi một số HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3. Tính nhẩm (Làm việc cả lớp)**  18 : 2 14 : 2 30 : 5 50 : 5  10 : 2 20 : 2 10 : 5 35 : 5  4 : 2 2 : 2 25 : 5 45 : 5  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát tranh vẽ và nêu phép tính:  + Có 16 quả trứng, chia đều vào 2 hộp. Vậy mỗi hộp có:  16 : 2 = 8 quả trứng.  + Có 20 quả bóng, chia đều vào 5 hộp. Vậy mỗi hộp có:  20 : 5 = 4 quả bóng.  + HS nhận xét.  + HS chú ý.  - 1 HS nêu đề bài.  - HS quan sát tranh, trả lời:  2 x 5 = 10  - 2-3 HS nêu:  10 : 2 = 5 ; 10 : 5 = 2  - HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc đề bài.  **-** HS tính nhẩm, thực hiện lần lượt các phép tính vào bảng con.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng.**  **Bài 4: Bài toán**  - GV cho HS quan sát bài toán mẫu.  - Gọi 1 HS đọc bài toán mẫu.  - GV cùng HS trao đổi về dạng bài toán, cách giải bài toán liên quan đến ý nghĩa của phép chia.  => Rút ra nhận xét về cách giải bài toán  - GV gọi 1 HS đọc bài toán phần sau.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi, hãy trình bày cách giải bài toán trên.  - GV mời một số nhóm trình bày và chốt cách làm.  - Yêu cầu HS thực hiện bài toán trên vào vở.  - GV hướng dẫn HS còn lúng túng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Củng cố - Dặn dò**  - Chia sẻ về những điều đã học. Y/C hs về ôn lại bảng chia 2, 5  - Nhận xét tiết học.. | - HS quan sát bài toán mẫu.  - 1 HS đọc bài toán mẫu.  - Đối với dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa của phép chia  => Thực hiện phép tính chia (:).  - 1 HS đọc bài toán.  - HS nêu.  Bài giải  Đoàn tham quan đó được chia thành số nhóm là:  15 : 5 = 3 (nhóm)  Đáp số: 3 nhóm.  - HS lắng nghe.  - Lắng nghe, thực hiện.  - Chú ý lắng nghe. |

****

**Tiết 1:**

**Toán**

**Bài 17: BẢNG CHIA 3 (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả của các phép tính trong bảng chia 3 và thành lập bảng chia 3. Vận dụng bảng chia 3 để tính nhẩm.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Phương pháp quan sát, trò chơi, hỏi đáp. - - Kĩ thuật khăn trải bàn, chia sẻ cặp nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - Lớp khởi động.  - HS chú ý. |
| **2. Khám phá**  ***a. Đặt vấn đề***  - GV viết lên bảng phép tính: 12 : 3 = ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và nêu kết quả của phép chia  - GV chốt lại cách làm.  ***b. Thành lập Bảng chia 3***  - HS thảo luận nhóm 4.  - HS tìm kết quả của các phép tính trong Bảng chia 3 rồi điền kết quả vào phiếu học tập.  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - GV chốt đáp án, nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu Bảng chia 3 .  - Trò chơi: “Đố bạn” .  **3. Luyện tập**  **Bài 1. Tính nhẩm (Làm việc theo cặp)**  **-** GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS tự tìm kết quả của các phép chia vào vở (có thể sử dụng bảng chia 3 để tìm kết quả).  - Tổ chức cho HS đổi vở.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng.**  - Chia sẻ về những điều đã học.  - Y/C hs về học thuộc bảng chia 3  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - Cách 1: Lấy 12 chấm tròn, chia đều thành 3 phần, mỗi phần có 4 chấm tròn.  Cách 2: Dựa vào phép nhân:  3 x 4 = 12, suy ra 12 : 3 = 4  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  3 : 3 = 1 18 : 3 = 6  6 : 3 = 2 21 : 3 = 7  9 : 3 = 3 24 : 3 = 8  12 : 3 = 4 27 : 3 = 9  15 : 3 = 5 30 : 3 = 10  - HS lắng nghe.  - HS đọc đồng thanh nhóm /lớp.  - HS trả lời kết quả của các phép tính trong Bảng chia 3.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  6 : 3 = 2 15 : 3 = 5 ...  9 : 3 = 3 3 : 3 = 1 ...  12 : 3 = 4 21 : 3 = 7 ...  - HS hoạt động nhóm đôi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh chia sẻ.  - Lắng nghe, thực hiện.  - Chú ý. |

****

**Thứ Tư ngày 15 tháng 10 năm 2025**

**Tiết 1:**

**Toán**

**Bài 17: BẢNG CHIA 3 (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Vận dụng bảng chia 3 để tính nhẩm và giải quyết các vấn đề trong thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếpvà hợp tác toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Phương pháp quan sát, phân tích, vấn đáp.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật chia sẻ, kĩ thuật trình bày.  
**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - Lớp khởi động.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  **Bài 2. Tính (Làm việc theo cặp)**  **-** GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Để tìm kết quả của phép nhân, phép chia tương ứng ở cột 1 ta làm như thế nào?  - HS hoạt động theo cặp, thảo luận cách tìm kết quả ở cột 2 và cột 3 tương tự như cách tiến hành ở cột 1.  - một số nhóm trình bày trước lớp, đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  **-** GV cùng HS nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:**  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV tổ chức trò chơi: “*Ai nhanh tay hơn*”  - Các nhóm (6HS/ nhóm), mỗi nhóm sẽ được phát các thẻ phép tính và thẻ kết quả. Các nhóm sẽ thảo luận, đại diện nhóm gắn thẻ phép tính với thẻ kết quả cho phù hợp. Nhóm nào thực hiện nhanh nhất và chính xác nhất thì nhóm đó chiến thắng.  - Đại diện các nhóm trình bày cách làm trước lớp.  - Lưu ý HS cách ghi kết quả khi chia các số có kèm đơn vị đo (ghi đơn vị đo sau kết quả)  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4: (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi 1 HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?Em hãy nêu cách làm bài toán?  - Để biết nhím con phải đi mấy chuyến để mang hết số táo về nhà, ta thực hiện phép chia.  - HS hoàn thiện vào vở.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Học sinh nêu yêu cầu.  + Tìm kết quả của phép nhân: Lấy 5 tấm thẻ, mỗi tấm có 3 chấm tròn. Ta có tất cả 15 chấm tròn. Vậy: 3 x 5 = 15  + Tìm kết quả của phép chia ta có thể tiến hành bằng 2 cách:  Cách 1: Lấy 15 chấm tròn, chia đều thành 3 phần, mỗi phần có 5 chấm tròn.  Vậy: 15 : 3 = 5  Cách 2: Dựa vào phép nhân:  3 x 5 = 15, suy ra 15 : 3 = 5,...  - Chú ý.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS tham gia trò chơi  *30kg : 3 = 10kg*  *15kg : 3 = 5kg*  *27 l : 3 = 9 l*  *12 l : 3 = 4 l*  *21mm : 3 = 7 mm*  *9mm : 3 = 3mm*  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  **-** Chú ý.  - HS đọc bài toán.  - HS nêu.  - HS thực hiện vào vở  Bài giải  Nhím con phải đi số chuyến để mang hết số táo về nhà là:  18 : 3 = 6 (chuyến)  Đáp số: 6 chuyến. |
| **3. Vận dụng.**  Bài 5: Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 3 (Làm việc nhóm đôi)  - 1 số HS trình bày trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, tuyên dương.  -Chia sẻ về những điều đã học.  -Y/C hs về học thuộc bảng chia 3  - Nhận xét tiết học. | - Học sinh chia sẻ.  - Chú ý.  - Lắng nghe, thực hiện.  - Chú ý. |

****

**Thứ Năm ngày 16 tháng 10 năm 2025**

****

****

**Tiết 4:**

**Toán**

**Bài 18: BẢNG CHIA 4 (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả của các phép tính trong bảng chia 4 và thành lập bảng chia 4. Vận dụng bảng chia 4 để tính nhẩm.

- Phát triển các năng lực toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy, các loại cân…

- Phương pháp quan sát, hỏi đáp, trò chơi.  
**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Khám phá**  ***a. Đặt vấn đề***  - GV viết lên bảng phép tính: 8 : 4 = ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và nêu kết quả của phép chia trên.  - GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ cách tìm kết quả của phép chia trên.  - GV mời nhóm khác nhận xét, chỉnh sửa / bổ sung (nếu có).  - GV chốt lại cách làm.  ***b. Thành lập Bảng chia 4***  - GV chia nhóm 4 HS, phát phiếu học tập cho các nhóm.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tìm kết quả của các phép tính trong Bảng chia 4 rồi điền kết quả vào phiếu học tập.  - Mời đại diện các nhóm trình bày .  - HS đọc đồng thanh theo nhóm/ cả lớp để ghi nhớ.  - GV tổ chức trò chơi: “Đố bạn” để trả lời kết quả của các phép tính trong Bảng chia 4.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Luyện tập**  **Bài 1. Tính nhẩm (Làm việc theo cặp)**  **-** GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS tự tìm kết quả của các phép chia vào vở .  - HS đổi vở, hoạt động nhóm đôi.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng.**  - Chia sẻ về những điều đã học.  **-** Y/C hs về học thuộc bảng chia 4.  - Dặn HS về nhà ôn lại bài | - Lớp khởi động.  - HS lắng nghe.  Cách 1: Lấy 8 chấm tròn, chia đều thành các phần, mỗi phần có 4 chấm tròn, chia được 2 phần. Vậy 8: 4 = 2.  Cách 2: Dựa vào phép nhân:  4 x 2 = 8, suy ra 8 : 4 = 2  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS chia nhóm 4  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi, thực hiện.  4 : 4 = 1 24 : 4 = 6  8 : 4 = 2 28 : 4 = 7  12 : 4 = 3 32 : 4 = 8  16 : 4 = 4 36 : 4 = 9  20 : 4 = 5 40 : 4 = 10  - Đại diện các nhóm trình bày  - HS thực hiện đọc thuộc bảng chia 4.  - HS chơi trò chơi.  - HS theo dõi.  - HS đọc yêu cầu  - HS làm việc cá nhân  16 : 4 = 4 32 : 4 = 8 ...  8 : 4 = 2 28 : 4 = 7 ...  20 : 4 = 5 4 : 4 = 1 ...  - HS đổi vở chia sẻ bài với bạn  - HS lắng nghe.  - Học sinh chia sẻ.  - Lắng nghe, thực hiện. |

****

**Thứ Sáu ngày 17 tháng 10 năm 2025**

**Tiết 1:**

**Toán**

**Bài 18: BẢNG CHIA 4 (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Vận dụng bảng chia 4 để tính nhẩm và giải quyết các vấn đề trong thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy. SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Phương pháp quan sát, hỏi đáp, trò chơi. **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV chiếu đáp án, nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - Lớp khởi động.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  **Bài 2. Tính (Làm việc theo cặp)**  **-** GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  a) 4 x 5 4 x 6 4 x 9  20 : 4 24 : 4 36 : 4  20 : 5 24 : 6 36 : 9  b) 12kg : 4 28mm : 4 40 l : 4  - Để tìm kết quả của phép nhân, phép chia tương ứng ở cột 1 phần a) ta làm như thế nào?  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV, lưu ý đơn vị đo.  - Cột 2 và cột 3 phần a) tương tự như cách tiến hành ở cột 1.  - Phần b) : GV hướng dẫn HS thực hiện phép chia với các số có đơn vị đo đã học.  - HS hoàn thiện . Đổi vở để kiểm tra kết quả.  **-** GV cùng HS chữa bài, nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Số?**  - GV cho HS quan sát tranh phần a).  - GV gọi 1 HS đọc bài toán.  - GV lưu ý cho HS: Đây là *bài toán liên quan đến phép chia các thành phần đều nhau* (chia đều).  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, suy nghĩ và trao đổi về cách thực hiện bài toán.  - Gọi đại diện của các nhóm nêu kết quả của phép chia và câu trả lời của bài toán.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chữa bài, chốt cách làm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Cách tiến hành ở phần b) tương tự như phần a).  Lưu ý HS: Phần b) là *bài toán liên quan đến phép chia theo nhóm.*  - GV chốt lại cách làm BT3.  **Bài 4: (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi 1 HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Em hãy nêu cách làm bài toán?  -Yêu cầu HS hoàn thiện bài vào vở, 1 HS lên bảng trình bày bài giải.  - HS dưới lớp nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Vận dụng.**  **Bài 5: Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 4 (Làm việc nhóm đôi)**  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS nói cho bạn nghe về tình huống mình đã gặp trong thực tế cuộc sống có sử dụng bảng chia 4.  - Mời 1 số HS trình bày trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, tuyên dương.  - Chia sẻ về những điều đã học.  - Y/C hs về học thuộc bảng chia 4.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc yêu cầu bài tập  + Tìm kết quả của phép nhân: Lấy 5 tấm thẻ, mỗi tấm có 4 chấm tròn. Ta có tất cả 20 chấm tròn.  Vậy: 4 x 5 = 20  + Tìm kết quả của phép chia ta có thể tiến hành bằng 2 cách:  Cách 1: Lấy 20 chấm tròn, chia đều thành 4 phần, mỗi phần có 5 chấm tròn.  Vậy: 20 : 4 = 5  Cách 2: Dựa vào phép nhân:  4 x 5 = 20 suy ra 20 : 4 = 5,...  - HS theo dõi.  - Học sinh thực hiện.  - Chú ý.  - HS quan sát tranh.  - HS đọc bài toán  Có 24 quả cam, xếp đều vào 4 túi. Mỗi túi có ***6*** quả cam. Ta có phép chia ***24 : 4 = 6.***  - Thảo luận nhóm về cách giải bài toán  - Học sinh chia sẻ.  - HS theo dõi.  - Lắng nghe.  Có 12 hàng ghế, xếp mỗi hàng 4 chiếc ghế. Số ghế đó đủ xếp thành ***3*** hàng. Ta có phép chia ***12 : 4 = 3.***  - HS ghi nhớ.  - HS đọc bài toán  - Tìm hiểu yêu cầu bài toán  - HS thực hiện vào vở  Bài giải  Nam uống hết lọ thuốc đó trong số ngày là:  20 : 4 = 5 (ngày)  Đáp số: 5 ngày.  - HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - Dọc yêu cầu.  - Học sinh thực hiện.  - HS theo dõi, nhận xét.  - Chú ý lắng nghe.  - Học sinh chia sẻ.  - Học sinh thực hiện.  - Chú ý. |